

**BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆT NAM**

VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Đặng Đức Long

**CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI
Ở CÁC NƯỚC ASEAN 5 TỪ SAU KHỦNG HOẢNG
TÀI CHÍNH CHÂU Á 1997 - 1998**

Chuyên ngành : Kinh tế Thế giới và Quan hệ Kinh tế quốc tế
Mã số : 5.02.12

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội-2007

Công trình hoàn thành tại: Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới,
Viện Khoa học Xã Hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS. Lê Bộ Lĩnh
2. PGS. TS. Trần Văn Tùng

Phản biện 1: PGS. TS. Đỗ Đức Bình

Phản biện 2: PGS. TS. Phạm Đức Thành

Phản biện 3: GS. TS. Nguyễn Quang Thái

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp nhà nước, họp tại
Hội trường tầng 4 Viện Kinh tế Thế giới, 176 Thái Hà, Hà Nội.

vào hồi giờ ngày tháng năm 2007

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia

Thu viện Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đặng Đức Long (1998a), “Nguyên nhân khủng hoảng Tài chính các nước châu Á và bài học đối với Việt Nam”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 3/1998, Tr. 100 - 102.
2. Đặng Đức Long (2002a), “Triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 4/2002, Tr 14 - 16.
3. Đặng Đức Long (2002b), “Về các giải pháp để thúc đẩy hội nhập”, Tạp chí *Tài chính*, số 5/2002, Tr 49 - 50.
4. Đặng Đức Long (2006), “FDI trong các ngành kinh tế của Việt Nam”, Tạp chí *Châu Phi và Trung Đông* số 3 (07)/2006 Tr 47 – 53.

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nền kinh tế của một số nước ASEAN đã nổi lên trong nhiều thập kỷ, đặc biệt trong thập niên 1980 và 1990 với tỷ lệ tăng trưởng GDP cao và ổn định liên tục trong nhiều năm. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997 đã làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của khu vực này và các nền kinh tế lâm vào tình trạng khó khăn.

Trong bối cảnh hậu khủng hoảng, nhiều nước ASEAN đã tích cực thay đổi chính sách mở cửa, cải thiện nhanh môi trường thu hút đầu tư nước ngoài nhằm đối phó với tình trạng sụt giảm của luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và những diễn biến mới của tiến trình toàn cầu hoá.

Là một thành viên ASEAN, trong bối cảnh mới của quốc tế, Việt Nam cũng đang thực hiện những nỗ lực tăng thu hút FDI, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Việc nghiên cứu những thay đổi, điều chỉnh chính sách về thu hút đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN là rất hữu ích cho Việt Nam trong thu hút ĐTNN và tăng cường hội nhập quốc tế mà trước hết là gia tăng hợp tác trong khuôn khổ ASEAN, sau đó là WTO.

2. Mục đích nghiên cứu

Góp phần nghiên cứu chính sách thu hút FDI trong quá trình phát triển kinh tế của các nước đang phát triển Châu Á nói chung và các nước ASEAN 5 đặc biệt là từ sau khủng hoảng 1997 - 1998, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách đối với việc thu hút FDI ở Việt Nam.

3. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian*: Nội dung chính tập trung vào khoảng thời gian từ năm 1997 đến nay. Đây là thời điểm bắt đầu diễn ra khủng hoảng tài chính Châu Á, và từ đó đến nay, các nước ASEAN đã có nhiều thay đổi, điều chỉnh các chính sách liên quan đến thu hút FDI.

- *Về không gian*: Giới hạn trong khuôn khổ ASEAN 5 (gồm Thái Lan, Malaysia, Philippines, Indonêxia và Singapore). Điều này có hai lý do sau đây. *Thứ nhất*, đây là những nền kinh tế phát triển hơn trong ASEAN, chịu nhiều tác động của khủng hoảng tài chính châu Á, chính vì vậy có nhiều điều chỉnh trong các chính sách thu hút FDI. *Thứ hai*, ASEAN 5 là những nền kinh tế tương đối năng động, có kinh nghiệm trong thu hút FDI và có nhiều tương tác với Việt Nam.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Xem xét bối cảnh, những nhân tố tác động và sự cần thiết tất yếu trong điều chỉnh các chính sách liên quan đến FDI của các nước ASEAN 5 sau khủng hoảng.

- Phân tích những nội dung chính trong điều chỉnh các chính sách liên quan đến FDI ở các nước ASEAN 5 nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tăng thu hút ĐTNN, lấy lại nhịp độ tăng trưởng như trước khi xảy ra khủng hoảng.

- Đánh giá những điểm tồn tại về môi trường đầu tư ở nước ta, đưa ra một số nhận xét kiến nghị cho Việt Nam, phục vụ cho việc điều chỉnh kịp thời một số chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tăng thu hút ĐTNN cũng như đáp ứng các yêu cầu mở cửa, hội nhập quốc tế và tăng cường hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và gia nhập WTO.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, ngoài các phương pháp chung thường dùng trong nghiên cứu kinh tế, một số phương pháp cụ thể được sử dụng là: Phương pháp phân tích, thống kê; Phương pháp so sánh, tổng hợp; Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.

6. Tình hình nghiên cứu

Sau khi cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính 1997 - 1998 xảy ra, các nước Đông Nam Á đã phải tiến hành những cải cách mạnh mẽ đối với toàn bộ hệ thống kinh tế của mình, trong đó có chính sách thu hút FDI. Vai trò của FDI cũng như chính sách thu hút FDI trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới kể từ sau khủng hoảng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập xung quanh vấn đề này. Có thể kể ra một số công trình nghiên cứu như :

Ở trong nước : Nhiệm vụ cấp Bộ: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển kinh tế” do VS. Võ Đại Lực và TS. Lê Bộ Lĩnh là chủ nhiệm, hoàn thành năm 1997 tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa FDI và phát triển kinh tế trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính Châu Á.

Công trình về “*Khủng hoảng kinh tế tài chính Châu Á 1997-1999, nguyên nhân, hậu quả và bài học với Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thiện Nhân, do NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh xuất bản năm 2002 đã khái quát một cách toàn diện về cuộc Khủng hoảng kinh tế Châu Á, đi sâu vào nghiên cứu những nguyên nhân cũng như hậu quả mà cuộc khủng hoảng gây ra nhưng chưa đề cập đến sự thay đổi các chính sách,

trong đó có chính sách thu hút FDI ở các nước Châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng sau khủng hoảng.

Một số luận án tiến sỹ liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN cũng như FDI vào từng nước ASEAN như luận án TS của tác giả Phùng Xuân Nhạ: *“Vai trò của FDI đối với quá trình CNH ở Malayxia”*(1999); Luận án TS của tác giả Nguyễn Thắng: *“FDI của Nhật Bản vào ASEAN”* (2002) đều đi sâu vào nghiên cứu một nước nhận đầu tư (Malaysia) hoặc một nhà đầu tư (Nhật Bản) mà chưa có một cái nhìn khái quát, tổng thể cho cả khu vực từ sau khủng hoảng cho tới nay.

Đề tài nghiên cứu chuyên sâu của Viện Nghiên cứu Tài chính về: *“Đánh giá các giải pháp tài chính tiền tệ phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế sau khủng hoảng của các nước ASEAN và bài học cho Việt Nam”* do tác giả Trịnh Thanh Huyền thực hiện năm 2001 tập trung đánh giá các giải pháp tài chính được Chính phủ các nước ASEAN thực hiện sau Khủng hoảng nhưng chưa đề cập đến sự thay đổi toàn diện các chính sách của những nước này.

Nghiên cứu của PGS. TS. Trần Văn Tùng về *“Cải cách thể chế kinh tế - xã hội ở Đông Á sau khủng hoảng tài chính”*, tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới số 2 năm 2004 đề cập khá rõ nét về những cải cách của các nước Châu Á sau khủng hoảng trên các mặt xã hội và kinh tế nhưng chưa đề cập cụ thể đến vấn đề thay đổi chính sách FDI, một yếu tố quan trọng trong sự thay đổi chính sách nói chung của các nước này.

Hội thảo quốc tế Pháp - Việt: *“Bối cảnh kinh tế mới, các dòng đầu tư nước ngoài với việc phát triển thương mại và thị trường ở Châu Á và Việt Nam”* (Do ĐH Thương Mại Hà Nội cùng Đại Học Pari và ĐH

Thương Mại Pari tổ chức tại Hà Nội 13 -14/2/2003) tập trung vào vai trò và xu hướng phát triển thương mại của Việt Nam trong bối cảnh mới. Trong hội thảo cũng có một số tham luận đề cập đến vấn đề FDI nhưng chủ yếu là liên hệ với Việt Nam, chưa có một cái nhìn tổng thể đối với cả khu vực đang trên đà phục hồi sau khủng hoảng.

Loạt bài viết “*Nhìn lại để đón làn sóng mới về FDI*” của GS. TS. Nguyễn Mai đăng trên báo Đầu tư (12/2005) nêu lên những nét khái quát về tình hình FDI vào Việt Nam trước và sau khủng hoảng và dự báo xu hướng FDI vào Việt Nam trong thời gian tới, đặt trong bối cảnh các nước trong khu vực cũng đang đẩy mạnh việc thu hút FDI nhưng chưa có đánh giá tổng quát về vai trò của sự cải thiện chính sách của các nước ASEAN nhằm tăng cường thu hút FDI.

Ở nước ngoài có một số công trình đáng chú ý như: Nghiên cứu chung, mang tính lý thuyết của tác giả Imad A. Moosa, về *Đầu tư trực tiếp nước ngoài, dẫn chứng và thực tiễn* (Foreign Direct Investment: Theory, Evident and Practice (2002).

Tăng trưởng của Đông Á trước và sau khủng hoảng (East Asian Growth before and after Crisis) của tác giả Craff. N, tài liệu của IMF 1998.

Nghiên cứu về “*Sức cạnh tranh, FDI và các hoạt động công nghệ ở Đông Á*” (Competitiveness, FDI and Technological Activity in East Asia) của hai tác giả Sanjaya Lall - Giáo sư về kinh tế học phát triển, Trung tâm phát triển quốc tế, Đại học Oxford, và Shujjiro Urata - Giáo sư kinh tế, Đại học Waseda, Nhật Bản. (tài liệu Lv 1607, Viện KTTG).

Nghiên cứu về: “*Các nền kinh tế Đông Nam Á trước và sau khủng hoảng*” (The Economies of Southeast Asia, Second Edition Before and After the Crisis) của tác giả Jose L. Tongzon (Giáo sư Khoa Kinh tế, Đại học quốc gia Singapore) (tài liệu Lv 1588, Viện KTTG) có nội dung khá gần với luận án nhưng do hạn chế về thời gian nên tài liệu này chưa đưa ra được những biến động mới ảnh hưởng đến kinh tế thế giới dẫn đến sự thay đổi chính sách của các nền kinh tế ASEAN.

Nghiên cứu về “*Triển vọng của FDI ở Khu vực AFTA*” (Prospects for FDI in AFTA) của hai tác giả Jeffery Heinrich và Denise Eby Konan, đăng trên “*ASEAN Economic Bulletin*” số tháng 8 năm 2001 đánh giá một cách toàn diện sự phục hồi của các nước ASEAN sau khủng hoảng và xu hướng FDI vào khu vực này đầu thế kỷ 21 nhưng chưa nêu rõ vai trò của những thay đổi chính sách của các nước này đối với sự phục hồi nói trên.

Hầu hết các công trình nghiên cứu và bài viết trên là những tài liệu rất hữu ích cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về đầu tư nước ngoài vào Châu Á nói chung và ASEAN nói riêng trước và sau khủng hoảng. Tuy nhiên các tài liệu này chủ yếu đi vào nghiên cứu một cách khái quát và sự vận động của dòng FDI trên thế giới nói chung và vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế, gia tăng thương mại.... , hoặc nghiên cứu chính sách FDI ở một quốc gia cụ thể, hoặc đưa ra những giải pháp về một số khía cạnh như tài chính, thể chế . . . nhằm cải thiện môi trường đầu tư, thu hút FDI ở Đông Á và Đông Nam Á mà chưa đề cập một cách hệ thống đến việc ASEAN 5 đã thay đổi, điều chỉnh các chính sách về thu hút FDI, đã đưa ra các giải pháp ngắn hạn và dài hạn như thế nào để cải thiện môi trường đầu tư, lấy lại nhịp độ phát triển như trước khủng hoảng. Do vậy, luận án đã này đi sâu vào nghiên cứu, làm rõ một cách có hệ thống về “chính sách

thu hút đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN 5 từ sau khủng hoảng tài chính Châu Á 1997 - 1998”.

7. Những đóng góp của luận án

Thứ nhất, luận án đã *góp phần luận giải thêm vai trò của FDI đối với các nước đang phát triển nói chung và các nước ASEAN nói riêng*. Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa FDI đã trở thành một bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển, một cầu nối hội nhập của các quốc gia đang phát triển với phần còn lại của thế giới. Đi cùng với dòng chảy FDI vào các nước đang phát triển là công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, trình độ chuyên môn, phương pháp kinh doanh mới cũng như khả năng tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn... Đặc biệt trong bối cảnh mới, *FDI còn là kênh quan trọng cho các nước đang phát triển tham gia vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu*. Bằng việc phân tích chính sách và động thái FDI vào ASEAN 5 trước và sau khủng hoảng, luận án đã chỉ rõ ý nghĩa của mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường đầu tư trong nước với xu hướng toàn cầu hóa nói chung và sự vận động của các dòng FDI nói riêng trong việc thúc đẩy sự hội nhập có hiệu quả vào nền kinh tế thế giới, thông qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước này.

Thứ hai, luận án *khái quát hóa và lần đầu tiên đưa ra bức tranh tổng thể về dòng chảy FDI vào các nước ASEAN 5 từ sau khủng hoảng*. Trong đó đưa ra những phân tích, đánh giá một cách có hệ thống những thay đổi và kết quả của những thay đổi chính sách thu hút FDI của các nước ASEAN 5 từ sau khủng hoảng, chỉ rõ nguyên nhân, động thái cũng như dự báo những xu hướng sắp tới.

Thứ ba, về mặt thực tiễn, thông qua việc nghiên cứu những thay đổi chính sách thu hút FDI của các nước ASEAN 5, luận án đã nêu lên những vấn đề có tính chất tổng kết bài học đối với các nước ASEAN 5 trong việc xây dựng chính sách thu hút FDI cũng như qua đó đưa ra những khuyến nghị tham khảo cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện chính sách thu hút FDI trong bối cảnh mới, khi mà Việt Nam cũng đã gia nhập WTO với những thời cơ và thách thức chưa từng có.

8. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về FDI và chính sách thu hút FDI

Chương 2: Chính sách thu hút FDI của các nước ASEAN từ sau khủng hoảng tài chính Châu Á

Chương 3: Tác động của những thay đổi trong chính sách FDI của ASEAN 5 sau khủng hoảng, bài học cho ASEAN và cho Việt Nam

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ FDI VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI

1.1. Một số vấn đề cơ bản về FDI và vai trò của FDI đối với các nước đang phát triển

1.1.1. Bản chất và các yếu tố quyết định FDI

Theo định nghĩa chung của các tổ chức quốc tế thì FDI là đầu tư trực tiếp nước ngoài được đưa vào đầu tư sản xuất kinh doanh ở một nước khác

nhằm thu lợi nhuận bằng việc tận dụng những lợi thế sẵn có của nước nhận đầu tư như nguồn nguyên liệu, nhân công, thị trường tiêu thụ...

- *Về bản chất*, FDI là đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, chủ yếu là các công ty xuyên quốc gia để chiếm lĩnh thị trường và thu lợi nhuận, hoạt động trong khuôn khổ pháp lý của nước sở tại và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài đang được áp dụng tương đối phổ biến là liên doanh, 100% vốn nước ngoài và hợp đồng khai thác kinh doanh.

Các yếu tố quyết định FDI gồm có *nhân tố thúc đẩy FDI* và *nhân tố hút FDI*.

- *Nhân tố thúc đẩy FDI* gắn liền với những lợi ích mà FDI mang lại cho nước chủ đầu tư trong bối cảnh phân công lao động quốc tế ngày càng sâu sắc và quá trình toàn cầu hóa đang tiến những bước dài. Những nhân tố đó được thể hiện ở: *Thứ nhất*, tận dụng lợi thế so sánh của nước tiếp nhận đầu tư; *Thứ hai*, kéo dài thêm chu kỳ sống của sản phẩm, tăng sản xuất tiêu thụ, giúp thu hồi vốn và tăng thêm lợi nhuận; *Thứ ba*, FDI giúp các nước chủ đầu tư xây dựng được thị trường cung cấp nguyên liệu ổn định với giá phải chăng; *Thứ tư*, FDI giúp các nước chủ đầu tư tăng thêm sức mạnh về kinh tế và nâng cao uy tín chính trị trên trường quốc tế.

- *Nhân tố thu hút FDI* được thể hiện ở những yếu tố của nước tiếp nhận đầu tư có khả năng hấp dẫn nhà đầu tư, cụ thể là sức hấp dẫn của môi trường đầu tư. Cấu thành nên môi trường đầu tư là các yếu tố sau đây: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; Tình hình chính trị; Chính sách pháp luật; Trình độ phát triển và khả năng hội nhập của nền kinh tế; Đặc thù về văn hoá xã hội...

1.2. Những yếu tố cơ bản của chính sách thu hút đầu tư nước ngoài

Những yếu tố cơ bản của chính sách thu hút đầu tư nước ngoài là những yếu tố mang tính chất khung khổ chính sách mà bất kỳ quốc gia nào khi xây dựng chính sách FDI cũng phải tuân theo, đó là những yếu tố:

- *Về định hướng thu hút ĐTNN*: Định hướng thu hút ĐTNN phụ thuộc nhiều vào chiến lược phát triển kinh tế được lựa chọn của nước chủ nhà định hướng giúp các nhà đầu tư có quyết định đầu tư phù hợp.

- *Về sở hữu*: Mức góp vốn tối đa của nhà ĐTNN tùy thuộc vào quan điểm, mục tiêu của mỗi nước, cũng như theo các giai đoạn phát triển khác nhau của nước chủ nhà nhận vốn đầu tư.

- *Về lĩnh vực và địa bàn thu hút đầu tư*: Lĩnh vực và địa bàn thu hút đầu tư phụ thuộc vào mức độ mở cửa của nền kinh tế và trình độ phát triển của mỗi nước.

- *Những khuyến khích về tài chính*: Các khuyến khích tài chính thường thấy là: mức miễn giảm thuế, thời gian miễn giảm thuế, ưu đãi vay vốn, giảm giá thuê đất, miễn giảm thuế thu nhập, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài....

- *Về thủ tục phê duyệt và quản lý đối với ĐTNN*: Việc phê duyệt và quản lý đối với các dự án ĐTNN là biện pháp quan trọng để nước chủ nhà thực hiện quản lý nhà nước đối với ĐTNN. Hình thức tổ chức quản lý ĐTNN có khác nhau giữa các nước.

-Về các biện pháp khuyến khích đầu tư

Có rất nhiều các biện pháp thu hút đầu tư nước ngoài khác nhau được nhiều nước sử dụng. Tuy nhiên, luận án chỉ đề cập một số biện pháp khá phổ biến ở các nước đang phát triển, đó là xúc tiến đầu tư, phát triển

cơ sở hạ tầng và xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

1.3. Khái quát về các chính sách thu hút ĐTNN ở ASEAN 5 trước khủng hoảng

1.3.1. Đặc thù của FDI vào ASEAN

Các nước ASEAN có sức hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài toàn cầu vì có nhiều lợi thế, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú; có thị trường nội địa lớn, có lực lượng lao động đông đảo và giá lao động tương đối thấp; ASEAN đã xây dựng được nhiều ngành công nghiệp có nhịp độ phát triển khá cao và ổn định.

Qua nhiều nghiên cứu cho thấy FDI vào các nước ASEAN thời gian qua có một số đặc điểm sau: *Thứ nhất, khai thác các nguồn lực*, nhằm tiếp cận tới các nguồn cung, các yếu tố sản xuất có lợi nhất, tận dụng nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động... với giá rẻ để giảm chi phí sản xuất. *Thứ hai, xâm nhập thị trường nhằm tránh các rào cản mậu dịch*, nhằm mục đích sản xuất tại địa phương để thay thế cho việc xuất khẩu, vì việc xuất khẩu phải đối diện với hàng rào mậu dịch ở các nước nhập khẩu. *Thứ ba, đầu tư đi vòng và trá hình*, loại đầu tư này xảy ra khi vốn được đưa ra khỏi đất nước và quay trở về trá hình dưới hình thức đầu tư nước ngoài để tranh thủ lợi dụng những ưu đãi về lợi ích tài chính và những lợi ích khác dành cho các nhà đầu tư nước ngoài. *Thứ tư, tiếp cận công nghệ tạo ra lợi thế so sánh mới*, bằng cách tiếp cận thông tin, công nghệ và các cách thức quản lý, tiếp thị trên thị trường... .

1.3.2. Các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ở ASEAN 5 trước khủng hoảng

Chính sách thu hút FDI vào ASEAN 5 nói chung và ASEAN 5 trước khủng hoảng 1997 có thể chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: Từ đầu những năm 80 đến 1990 là giai đoạn “khép kín” của ASEAN với đầu tư nước ngoài. Giai đoạn 2: Từ 1990 đến thời điểm khủng hoảng 1997 là giai đoạn cởi mở hơn với FDI.

Giai đoạn 1: Từ 1980 đến 1990 giai đoạn “khép kín”: Đầu những năm 80 của thế kỷ trước, nhìn chung, Chính phủ và các doanh nghiệp nhiều nước ASEAN ít có thiện chí đối với FDI do những mặc cảm với các nước phát triển về sự bóc lột, thuộc địa. Chính vì vậy các chính sách áp dụng trong thời kỳ này làm môi trường cho FDI ở các nước ASEAN thiếu hấp dẫn. Cho đến cuối những năm 1980, các thủ tục phê chuẩn cho FDI vào ASEAN vẫn được duy trì khá chặt chẽ. Cạnh tranh từ các nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế trong những ngành mà chính phủ muốn nuôi dưỡng, nhằm tạo cơ hội phát triển cho các nhà đầu tư nội địa. Nhiều nước ASEAN chỉ ủng hộ FDI vào một số ngành, đồng thời chỉ khuyến khích FDI với sự tham gia của các TNC.

Giai đoạn 2: 1990 - 1997 cởi mở với đầu tư nước ngoài: Những năm cuối thập kỷ 1980, đầu thập kỷ 1990 nhiều nước ASEAN thay đổi cách nhìn nhận đối với FDI. Mở rộng dần phạm vi cho sự xâm nhập của FDI, thay đổi theo hướng có lợi cho các nhà ĐTNN, khuyến khích phát triển sản xuất xuất khẩu, thực hiện nhiều ưu đãi về tài chính, tín dụng cho ĐTNN. Chính vì vậy, dòng FDI từ các nước phát triển cũng như từ nhiều nền công nghiệp mới ở Châu Á vào ASEAN thời kỳ này không ngừng tăng lên.

1.3.3. Động thái của dòng FDI vào các nước ASEAN trước khủng hoảng

Như đã đề cập ở phần trên, từ cuối những năm 80 đầu 90, hầu hết các nước ASEAN đã ban hành và tích cực thực hiện các chính sách mới về FDI và điều này đã biến ASEAN đã trở thành một trong những nơi hấp dẫn FDI ở Châu Á.

Tuy nhiên khi FDI vào ASEAN đạt đỉnh cao năm 1997 thì khủng hoảng tài chính tiền tệ nổ ra. Cuộc khủng hoảng đã để lại những hậu quả nặng nề buộc các nước ASEAN phải có những cải cách mạnh mẽ về thể chế, đẩy mạnh tự do hoá thương mại và đầu tư để thoát ra khỏi khủng hoảng lấy lại đà tăng trưởng.

1.4. Những yếu tố tác động đến sự điều chỉnh chính sách thu hút FDI vào ASEAN 5 sau khủng hoảng

Trước hết, những nguyên nhân gốc rễ sâu xa, những yếu kém về thể chế ở các quốc gia vừa là nguyên nhân gây ra khủng hoảng, vừa là yếu tố cấu thành buộc các nước ASEAN phải điều chỉnh chính sách kinh tế, trong đó có chính sách thu hút FDI. Bên cạnh đó là các nhân tố như:

1.4.1. Sự suy yếu của các nền kinh tế ASEAN 5 sau khủng hoảng

Khủng hoảng đã gây ra những hậu quả nặng nề. Ở hầu hết các nước ASEAN, bên cạnh sự suy giảm của dòng vốn FDI, còn nhiều khó khăn khác như: xuất khẩu trì trệ, hiện tượng giảm giá hàng, giảm tổng cầu kéo theo lạm phát và thất nghiệp gia tăng, nguy cơ bất ổn xã hội.

1.4.2. Nguồn cung FDI vào ASEAN bị sụt giảm

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997 bắt đầu tại Đông Nam Á và đã nhanh chóng lan ra toàn thế giới khiến cho đầu tư trực tiếp nước ngoài

từ các quốc gia phát triển sụt giảm nhanh chóng. Một yếu tố nữa làm giảm nguồn cung FDI vào ASEAN là kinh tế thế giới cũng trên đà sa sút, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2002 chỉ đạt 1,7%. Lòng tin của giới tiêu dùng và đầu tư đều giảm sút. Điều này cũng ảnh hưởng rất lớn đến dòng FDI vào ASEAN.

1.4.3. Sự gia tăng cạnh tranh mạnh mẽ từ Trung Quốc

Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Trung Quốc và đặc biệt việc gia nhập WTO đã khiến cho nước này trở thành đối thủ cạnh tranh rất lớn về thu hút FDI với các nước ASEAN. Trung Quốc trở thành địa chỉ hấp dẫn nhất về thu hút FDI trong số các nước đang phát triển đồng nghĩa với sự giảm sút FDI vào các khu vực khác, trong đó có các nền kinh tế ASEAN.

1.4.4. Chủ nghĩa khủng bố lan rộng

Không chỉ chịu những tổn thất nặng nề từ cuộc khủng hoảng, các quốc gia ASEAN 5 còn phải chịu thêm những thiệt hại từ sự lan rộng của chủ nghĩa khủng bố. Cuộc tấn công của bọn khủng bố vào Trung tâm thương mại thế giới và Lầu năm góc của Mỹ ngày 11/9/2001 gây ra cú sốc mạnh đối với thị trường tài chính và giới đầu tư, quốc tế và lan rộng sang các khu vực khác, trong đó có một số nước ASEAN 5 đã làm khủng hoảng lòng tin của giới đầu tư, gây thiệt hại đối với nền kinh tế ASEAN 5.

1.4.5. Những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, dịch bệnh và bất ổn chính trị

Do vị trí địa lý của mình, các nước ASEAN luôn phải đối đầu với thiên tai hàng năm và thiệt hại mà các nước này phải gánh chịu là rất lớn. Ngoài ra, sự xuất hiện của những dịch bệnh mới như dịch viêm đường hô

hấp cấp (SARS) và dịch cúm gà (Bird Flu) cũng đã tác động không nhỏ tới môi trường đầu tư của các nước này, đặc biệt là đối với ngành du lịch, một nguồn thu lớn của các nước ASEAN. Bên cạnh đó, một nhân tố khác làm xấu đi môi trường đầu tư là sự bất ổn và mâu thuẫn bên trong một số nước ASEAN.

1.4.6. Sức ép mới của toàn cầu hóa

Quá trình toàn cầu hoá đã được thúc đẩy mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đặt ra nhiều vấn đề buộc các quốc gia phải tích cực điều chỉnh các chính sách của mình nhằm thích nghi với bối cảnh mới. Những tác động của quá trình này mang cả hai sắc thái, tích cực và tiêu cực như: Về mặt tích cực *thị trường được mở rộng*, có lợi cho tất cả mọi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển. Cùng với mặt tích cực toàn cầu hoá làm cho *sự cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn*, thường dẫn đến thua thiệt cho các nước đang phát triển. Và cuối cùng toàn cầu hoá cũng làm cho *các quốc gia gia tăng hợp tác giữa các nước trong khu vực và giữa các khu vực với nhau* nhằm mục đích mở cửa thị trường cho hàng hoá và dịch vụ, loại bỏ các rào cản hữu hình và vô hình đối với trao đổi thương mại. Một loạt những động thái mới từ liên kết ASEAN + 1 rồi ASEAN + 3, đến diễn đàn Á - Âu ASEM... mở ra những động thái mới cho FDI.

Chương 2

CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI CỦA CÁC NƯỚC ASEAN 5

TỪ SAU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH CHÂU Á

2.1. Những thay đổi chính sách chung

2.1.1. Một số điều chỉnh trong chính sách kinh tế vĩ mô

Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách kinh tế vĩ mô, sau khủng hoảng, chính phủ các nước ASEAN 5 đã tiến hành cải tổ mạnh mẽ môi trường đầu tư, trước hết là thực hiện những thay đổi trong chính sách kinh tế vĩ mô. Những thay đổi đó được thể hiện trên một số mặt sau:

Điều chỉnh chế độ tỷ giá: Điều chỉnh chế độ tỷ giá là biện pháp đầu tiên mà các Chính phủ cần làm để chống lại khủng hoảng và ổn định tình hình. Ngay khi khủng hoảng xảy ra, trừ Malayxia, các nước ASEAN 5 đều tiến hành áp dụng chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết. Hiệu quả của các chính sách điều chỉnh chế độ tỷ giá ở mỗi nước chịu tác động trực tiếp bởi khủng hoảng vì vậy có tính chất khác nhau. Tuy nhiên những điều chỉnh này đều mang lại kết quả chung là ổn định lại môi trường kinh tế vĩ mô, tạo niềm tin trở lại cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Sử dụng công cụ lãi suất linh hoạt: Trong thời gian đầu xảy ra khủng hoảng, các nước ASEAN đã tiến hành các biện pháp thắt chặt tiền tệ đồng thời nâng cao lãi suất nhằm ngăn chặn dòng vốn chảy ra, hạn chế tâm lý hoảng loạn trong dân chúng và trong giới đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, sau một thời kỳ nhất định tăng lãi suất, các chính phủ đã thực hiện biện pháp nới lỏng dần thắt chặt tiền tệ bằng cách bơm thêm tiền vào lưu thông, giảm thuế để kích cầu nội địa, tăng cường chất lượng đầu tư, tạo ra

sự tăng trưởng kinh tế. Việc sử dụng lãi suất linh hoạt ở các nước ASEAN đã tỏ ra phù hợp với nhu cầu thực tế đặt ra, đem lại không khí đầu tư sản xuất ổn định trở lại sau khủng hoảng.

Cải tổ hệ thống ngân hàng và các công ty tài chính: Sau khủng hoảng, hệ thống ngân hàng và các công ty tài chính của hầu hết các nước ASEAN 5 đều trong tình trạng rệu rã và suy sụp. Một giải pháp được các nước ASEAN 5 tiến hành là đóng cửa, sáp nhập hoặc quốc hữu hóa những tổ chức tài chính - ngân hàng không còn khả năng hoạt động, nhằm giải quyết những khoản vay không sinh lãi và tạo ra tính hiệu quả hơn cho hệ thống tài chính ngân hàng.

Thực hiện chính sách kiểm soát vốn có lựa chọn, ngăn chặn dòng vốn chảy ra, điển hình là Malayxia đã thực hiện chính sách kiểm soát vốn có lựa chọn. Xét về mặt lí thuyết, các biện pháp kiểm soát vốn có lựa chọn đem lại những tác động tiêu cực trước mắt đối với việc thu hút FDI nhưng Chính phủ Malayxia đã ngăn chặn được sự ra đi ồ ạt của các dòng vốn trong đó có FDI, tạo ra môi trường hấp dẫn lâu dài đối với FDI.

2.1.2. Điều chỉnh trong chính sách thương mại

Khủng hoảng tài chính đã buộc chính phủ các nước ASEAN phải có những điều chỉnh trong chính sách thương mại chủ yếu như điều chỉnh hoạt động xuất khẩu hàng hoá theo hướng tìm kiếm thêm những thị trường xuất khẩu mới và tiếp tục hỗ trợ cho các hoạt động xuất khẩu; điều chỉnh cơ cấu sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh cho hàng xuất khẩu.

2.1.3. Thay đổi trong chính sách cải tổ cơ cấu

Sau khủng hoảng, vấn đề cơ cấu kinh tế được chính phủ các nước chú trọng hơn. Các nước ASEAN 5 đã tiến hành thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành

công nghiệp mũi nhọn. Chiến dịch cải cách cơ cấu kinh tế ở các nước ASEAN 5 diễn ra theo hướng: hỗ trợ sản xuất, khuyến khích thuế, tăng chi tiêu R&D, ưu đãi đầu tư vào các ngành ưu tiên...

2.2. Điều chỉnh các chính sách trực tiếp về FDI

2.2.1. Những điều chỉnh về pháp lý và thủ tục hành chính

Tinh thần chung của việc điều chỉnh là mở cửa và tạo môi trường thông thoáng, chuyển từ “ngăn cấm” sang cho phép “kinh doanh có giới hạn”

Ngay sau khủng hoảng, các nước ASEAN 5 đã ngay lập tức thực hiện những sửa đổi cơ bản đối với hệ thống Luật pháp về đầu tư nước ngoài của mình như là một trong những biện pháp tích cực nhằm nhanh chóng khôi phục hút hút đầu tư nước ngoài. Những thay đổi đó được thể hiện qua các mặt sau:

Sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài: Đa số Luật đầu tư nước ngoài của các nước ASEAN 5 trước đây quy định hạn chế sở hữu nước ngoài trong một số lĩnh vực. Việc sửa đổi các luật này đã được nói lỏng theo hướng xoá bỏ những hạn chế về sự tham gia của người nước ngoài trong một số lĩnh vực nhạy cảm như luật pháp, kế toán, tư vấn, hầu hết các loại hình xây dựng, tiến hành thay đổi danh mục đầu tư từ *ngăn cấm* sang *giới hạn* và từ *giới hạn* sang *tự do hoá* trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Thủ tục hành chính cũng được chính phủ các nước ASEAN cải tổ mạnh mẽ.

Sửa đổi các Luật kinh doanh khác: Ở nhiều quốc gia ASEAN 5, các Luật kinh doanh khác như: Luật phá sản, Luật Thương mại, Luật Bảo hiểm, Luật Kinh doanh Chứng khoán,... cũng đã được sửa đổi theo hướng tạo thuận lợi, thông thoáng nhất có thể cho nhà đầu tư. Ở Malaixia, cải

cách *Luật tịch thu tài sản để thế nợ* nhằm tạo dựng một môi trường chắc chắn đối với quyền sở hữu của nhà đầu tư.

Nói lỏng những hạn chế về sở hữu: Những quy định chặt chẽ về sở hữu của người nước ngoài đã gây ra những cản trở lớn đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài ở các nước ASEAN 5. Vì vậy, ngoài các biện pháp về tự do hoá, đầu tư, nói lỏng hạn chế về sở hữu: sở hữu vốn đầu tư, sở hữu tài sản, nhà đất... là biện pháp được hầu hết các nước ASEAN 5 áp dụng sau khủng hoảng, tạo quyền lợi tối đa cho các nhà đầu tư nước ngoài.

2.2.2. Đưa ra những ưu đãi, khuyến khích mới về thuế và lợi nhuận

Thuế và lợi nhuận xét cho cùng vẫn là vấn đề quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư (đó là quyền lợi sát sườn, là mục tiêu trực tiếp của các nhà đầu tư). Chính vì vậy, việc điều chỉnh thuế lợi nhuận theo hướng tăng quyền lợi cho các nhà đầu tư đã được các nước ASEAN 5 thực hiện sau khi khủng hoảng được xem như là một biện pháp cấp thiết nhằm tăng sức hấp dẫn cho môi trường đầu tư. Các nước ASEAN 5 đã đưa ra những khuyến khích tài chính đối với nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các dự án FDI có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

2.2.3. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư

Ý thức được cơ sở hạ tầng mang ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc thu hút FDI, sau khủng hoảng, các nước ASEAN đều có những chính sách nâng cấp và cải tạo mạnh mẽ cơ sở hạ tầng, tạo ra môi trường hấp dẫn hơn cho đầu tư nước ngoài. Tiêu biểu cho chính sách cải thiện cơ sở hạ tầng ở ASEAN 5 là Malayxia, Philippine và Singapore. Tại Malayxia, chính phủ đã thành lập Quỹ phát triển cơ sở hạ tầng với khoản kinh phí lớn. Malayxia cũng đã đề ra kế hoạch “tầm nhìn 2020”, xây dựng một

hành lang thông tin đa phương tiện với tổng số vốn gần 30 tỷ USD với mục tiêu chuyển sang nền kinh tế chủ yếu dựa vào công nghệ điện tử và thông tin vào năm 2020. Philipin đã đề ra kế hoạch xây dựng mạng thông tin quốc gia 2002, xây dựng trung tâm vịnh Subic trở thành một thành phố có cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại và có sự kết mạng nhanh chóng nhất với hệ thống viễn thông toàn cầu. Singapore có chương trình “fibre to the curb” nhằm xây dựng đất nước thành một trung tâm thương mại và đầu tư toàn cầu, thu hút các tập đoàn kinh doanh hàng đầu thế giới và là trung tâm giao thông - viễn thông quốc tế. Thái Lan và Indônêxia cũng có những đầu tư lớn trong việc cải tổ cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút FDI...

2.2.4. Thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ

Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ đã buộc chính phủ các nước ASEAN nhìn nhận rõ hơn vai trò công nghệ trong thu hút FDI. Trong quá trình đổi mới các chính sách về FDI, Chính phủ các nước ASEAN 5 đã có những nỗ lực lớn trong việc trợ giúp các doanh nghiệp đẩy mạnh việc tiếp nhận công nghệ của các TNC nước ngoài nhằm tăng cường hơn nữa sự hấp dẫn của môi trường đầu tư. Singapore và Malayxia đã thực hiện việc công bố các thông tin mới, bản quyền công nghệ cho các công ty trong nước, làm giảm rất nhiều chi phí thu thập và phổ biến thông tin. Chính phủ các nước Singapore, Malayxia, Philippine cũng tuyển dụng lao động trình độ chuyên môn cao thông qua đào tạo hoặc chính sách nhập cư nhằm bổ sung và cung cấp những kỹ năng mới cho lao động trong nước. Bên cạnh đó, các nước này cũng đã tiến hành xây dựng các phòng thí nghiệm, các viện nghiên cứu, hỗ trợ việc cấp bản quyền, thành lập các tập đoàn hoạt động R&D nhằm làm tăng khả năng tiếp thu công nghệ. Qua

đó, các nước này đã tận dụng được lợi thế về công nghệ để tăng cường thu hút FDI từ các nước khác.

2.2.5. Tạo thị trường lao động mở đối với đầu tư nước ngoài

Nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng trong thu hút đầu tư nước ngoài, được coi là một trong những yếu tố tạo nên cơ sở hạ tầng mềm. Những thay đổi trong chính sách về lao động của các nước ASEAN 5 được thể hiện trên các phương diện như: Nới lỏng các điều kiện thuê mướn và thải hồi lao động cho các doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư; Thực hiện chính sách lao động tích cực một mặt đã góp phần tạo ra sự linh hoạt lớn hơn cho người lao động; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đầu tư nước ngoài.

2.3. Tăng cường hợp tác và liên kết kinh tế khu vực

Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính khu vực, các nước ASEAN 5 đã ý thức được rằng: Trong bối cảnh mới của xu thế toàn cầu hoá và hội nhập, việc “mạnh ai người nấy chạy” không thể mang lại hiệu quả tích cực. Hơn nữa như đã phân tích ở phần trên, những “cú đấm” như sự kiện 11/9 và làn sóng khủng bố mới, cùng với động đất, sóng thần, dịch bệnh,... đã cho thấy các nước cần phải sát cánh hơn bao giờ hết, tạo ra một sức mạnh chung, vượt qua khủng hoảng cũng như những thách thức mới của tiến trình toàn cầu hoá. ASEAN đã đề ra nhiều chương trình và biện pháp để hướng tới một thị trường chung, tập hợp sức mạnh của các nước, nâng cao tính cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài.

2.3.1. Sự ra đời của Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN

Tháng 10/1998, Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN (AIA) được ký kết nhằm nâng cao hơn nữa sức hấp dẫn của khu vực đối với FDI

cả từ nội khối và ngoài ASEAN. Hiệp định đặt ra mục tiêu tạo dựng một môi trường đầu tư tự do, minh bạch cho các nhà đầu tư ASEAN vào năm 2010, và cho tất cả các nhà đầu tư vào năm 2020. Nỗ lực này thực chất là cố gắng lập nên “chế độ một cửa” cho tất cả các nhà đầu tư vào khu vực.

2.3.2. Liên kết ASEAN với các đối tác bên ngoài

Với các dự án ASEAN +1 (gồm ASEAN - Nhật Bản; ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Trung Quốc) nằm trong khuôn khổ của ASEAN +3 (gồm ASEAN - Nhật Bản - Hàn Quốc - Trung Quốc) và ASEAN + 6 (gồm ASEAN - Nhật Bản - Hàn Quốc - Trung Quốc - Úc - New Zealand - Ấn Độ), các nước ASEAN đang nỗ lực xây dựng một cộng đồng kinh tế cho riêng mình, tích cực cải cách cơ cấu kinh tế, tự do hoá thương mại và đầu tư để tạo nên một ASEAN có môi trường kinh doanh.

Chương 3

TÁC ĐỘNG CỦA NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH FDI CỦA ASEAN 5 SAU KHỦNG HOẢNG BÀI HỌC CHO ASEAN VÀ CHO VIỆT NAM

3.1. Tác động đối với động thái FDI vào ASEAN 5 sau khủng hoảng

3.1.1. Động thái của dòng FDI vào các nước ASEAN 5 sau khủng hoảng

Xét về tổng thể từ những sự phân tích ở trên có thể thấy động thái của dòng FDI vào ASEAN 5 sau khủng hoảng có thể phân ra làm hai thời kỳ: *Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ suy giảm và phục hồi chậm chạp, từ năm 1997 diễn ra khủng hoảng đến năm 2002; Thời kỳ thứ hai từ năm 2003 đến nay là thời kỳ phục hồi mạnh mẽ.*

Ở thời kỳ thứ nhất, FDI vào ASEAN liên tục giảm mạnh trong bốn năm liên tiếp từ mức 29,814 tỷ USD năm 1996, xuống còn 11,909 tỷ USD năm 2002. Trong bối cảnh suy giảm chung, FDI vào các nước ASEAN vẫn có nhiều điểm khác biệt. Trong khi FDI tiếp tục rút khỏi Indônêxia, phần nhiều do những bất ổn chính trị và xã hội, thì các thành viên ASEAN 5 khác lại tiếp tục thu hút được nhiều FDI mới nhờ những nỗ lực cải thiện thành công môi trường đầu tư như Malayxia. Còn ở Thái Lan dòng FDI vào vẫn tiếp tục tăng vào năm 1998 và 1999 nhờ các thể chế tài chính yếu kém được các nhà đầu tư nước ngoài mua lại. Ở Singapore, FDI sụt giảm năm 1998 do chịu ảnh hưởng của khủng hoảng, phục hồi năm 2000, 2001 nhưng giảm mạnh vào năm 2002 (bằng 1/3 của năm 2001) do ảnh hưởng sự kiện 11/9 tại Mỹ, nhà cung cấp vốn đầu tư lớn nhất cho Singapore.

Ở thời kỳ thứ hai, dòng FDI về tổng thể đã có sự tăng tốc rõ rệt so với giai đoạn trước. Năm 2003, dòng FDI vào ASEAN 5 đã gia tăng trở lại sau một thời gian giảm sút mạnh, đạt mức 13,506 tỷ USD. Năm 2004, đã có một sự tăng tốc ngoạn mục của khu vực trong thu hút FDI với mức tăng 72% so với năm 2003, đạt 23,24 tỷ USD.

3.1.2. Đánh giá về động thái của dòng FDI vào ASEAN 5 sau khủng hoảng

Những biến động của dòng FDI vào ASEAN 5 sau khủng hoảng có một số điểm chung, song tác động của những nhân tố liên quan đến FDI không giống nhau đối với tất cả các nước. Chính vì vậy, một số nước có sự phục hồi thu hút FDI nhanh hơn (như Singapore, Malayxia), trong khi một số nước khác (như Indonesia, Philippine) sự trì trệ lại kéo dài lâu hơn. Mặt khác, FDI suy giảm chậm hơn so với vốn đầu tư gián tiếp và vốn vay

ngân hàng do FDI là vốn đầu tư dài hạn, tồn tại dưới hình thức công nghệ, nhà xưởng, kiến thức quản lý, nguyên vật liệu, dịch vụ... đầu tư mở rộng sản xuất. Nguyên nhân do đồng nội tệ của các nước bị khủng hoảng nặng giảm giá mạnh làm cho giá cả lao động, nguyên vật liệu sản xuất, hàng tiêu dùng rẻ hơn (so với giá trị của đồng đô la Mỹ). Ngoài ra, việc phá giá mạnh đồng nội tệ còn là cơ hội tốt để thúc đẩy xuất khẩu ở các nước bị khủng hoảng. Đặc biệt, FDI vào ASEAN 5 ngay sau khủng hoảng hầu hết là FDI do M&A chứ không phải là FDI từ những dự án mới (greenfield).

Qua phân tích có thể thấy rõ, kết quả lớn nhất trong thay đổi chính sách thu hút FDI mà ASEAN 5 đã đạt được *không phải là những con số về lượng vốn đầu tư tăng lên, mà chính là với chính sách cải cách và mở cửa mạnh mẽ là các nước này đã tạo ra một cơ thể mới, lành mạnh hơn hẳn so với trước đây, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi bất thường của thời tiết kinh tế thế giới.*

3.2. Tác động đối với sự phát triển kinh tế ASEAN 5

Nhìn một cách tổng quát, tác động của những chính sách mới về FDI đối với sự phát triển kinh tế ASEAN được biểu hiện cụ thể qua các khía cạnh sau: *Thứ nhất, tác động đến tăng trưởng kinh tế, GDP các quốc gia ASEAN đều có xu hướng phục hồi sự tăng trưởng; Thứ hai, tạo điều kiện góp phần mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu; Thứ ba, tác động tăng khả năng cạnh tranh của các nước ASEAN; Thứ tư, tác động cải thiện đến cơ cấu kinh tế của các nước ASEAN và Thứ năm, tác động đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ.*

3.3. Về triển vọng FDI vào ASEAN 5

Triển vọng FDI vào khu vực ASEAN vẫn sáng sủa bất chấp những bất ổn định về kinh tế toàn cầu sau các cuộc tấn công khủng bố. Trong xu

thế toàn cầu hoá, khu vực hoá như hiện nay, các nước ASEAN đều là những nước đang phát triển, do đó, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu vẫn có khả năng thu hút FDI từ các nước phát triển. Tuy nhiên, các nước này đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ Trung Quốc, một nước đang thu hút phần lớn FDI vào châu Á.

Trong những năm tới, các nước ASEAN 5 đều đang có những chiến lược thu hút FDI mang tính đột phá và đã bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu về một thời kỳ mới trong thu hút FDI vào khu vực này. Theo dự báo của WIR, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ tăng trưởng khoảng 20%/năm từ năm 2006. Đó là một cơ hội lớn cho các nước ASEAN 5 trong việc tăng cường thu hút đầu tư để đẩy mạnh phát triển kinh tế.

3.4. Bài học chung cho ASEAN và cho Việt Nam

3.4.1. Bài học chung cho ASEAN

Qua phân tích từ thực tế khủng hoảng và những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút FDI ở các nước ASEAN 5 từ sau khủng hoảng đến nay, có thể rút những bài học sau:

Một là, kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng 1997 cho thấy, các quốc gia sau một thời kỳ liên tục tăng trưởng nóng sẽ dẫn đến nguy cơ khủng hoảng, do đó duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao phải gắn với các nhân tố đảm bảo phát triển bền vững; *Hai là*, môi trường chính trị xã hội ổn định và minh bạch là nhân tố quan trọng nhất trong thu hút đầu tư nước ngoài; *Ba là*, muốn thu hút được đầu tư trong bối cảnh cạnh tranh đầu tư gay gắt như hiện nay thì điều kiện cần là phải tạo ra được một cơ sở hạ tầng tốt; *Bốn là*, trong bối cảnh mới, ASEAN cần phải biết học cách biến thách

thức thành cơ hội, biến đối thủ thành đối tác.; *Năm là*, các nước ASEAN phải tranh thủ tận dụng những cơ hội do bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay mang lại để có những điều chỉnh chính sách FDI hợp lý; *Sáu là*, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về đầu tư, các nước ASEAN cần hết sức coi trọng liên kết kinh tế khu vực tạo ra những đối trọng cũng như tận dụng phát huy ưu thế của từng thành viên. Các nước ASEAN phải coi đây là một giải pháp chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay; *Bảy là*, mặc dù có nhiều lợi thế khách quan, song ASEAN cần “hiểu mình, hiểu người” hơn nữa trong việc xây dựng chính sách thu hút FDI. Bởi trong bối cảnh mới của toàn cầu hoá phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ hiện nay, những ưu thế trước đây của ASEAN về tài nguyên, sức lao động rẻ... không còn vai trò như trước nữa.

3.4.2. Những khuyến nghị cho Việt Nam

3.4.2.1. Hiện trạng về môi trường đầu tư và chính sách đầu tư của Việt Nam

Từ sau khi thực hiện mở cửa năm 1990 – 1997 Việt Nam đã đón làn sóng đầu tư nước ngoài với kết quả hết sức khả quan. Khu vực kinh tế có vốn FDI ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, trở thành một trong những động lực của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, môi trường và chính sách thu hút FDI của Việt Nam vẫn còn bộc lộ những tồn tại yếu kém, thể hiện ở kết quả thu hút FDI số lượng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước và yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, chưa thu hút được nhiều đầu tư từ các nước công nghiệp phát triển, công nghệ nguồn, tình trạng tranh chấp lao động trong các doanh nghiệp FDI bắt đầu có xu

hướng gia tăng ảnh hưởng tới môi trường đầu tư, quản lý đầu tư còn yếu kém ; nhận thức và quan điểm của các ngành, địa phương về FDI chưa phù hợp và thiếu nhất quán ; thể chế kinh tế thị trường và cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện ; luật pháp ; chính sách của nước ta vẫn còn thiếu đồng bộ ; quy hoạch các ngành, sản phẩm còn mang nặng tư duy bảo hộ sản xuất trong nước, hạn chế sự tham gia của FDI ; hoạt động xúc tiến đầu tư chưa mang tính chuyên nghiệp... Tất cả những yếu tố trên đã gây cản trở và làm mất đi nhiều cơ hội thu hút đầu tư của Việt Nam.

3.4.2.2. Một số đề xuất để Việt Nam có thể cải thiện môi trường đầu tư, tăng thu hút ĐTNN

Từ bài học về thu hút FDI của ASEAN 5 sau khủng hoảng và thực tiễn Việt Nam hiện nay, để đạt được mục tiêu đón bắt làn sóng đầu tư thứ hai vào Việt Nam, quan trọng nhất là phải đổi mới tư duy về FDI, cũng như về quản lý Nhà nước đối với FDI phù hợp với tiến trình của toàn cầu hoá. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược tổng thể về thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI. Cần chú ý một số vấn đề sau: *Thứ nhất*, thay đổi cơ cấu lĩnh vực thu hút FDI hướng dòng vốn FDI vào khu vực dịch vụ, đặc biệt là vào lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực kỹ năng cao ; *Thứ hai*, các chính sách được ban hành phải theo hướng thân thiện với thị trường ; *Thứ ba*, cần có đột phá trong lựa chọn đối tác thu hút đầu tư ; *Thứ tư*, phải có những chính sách xúc tiến và mục tiêu hoá đầu tư để thu hút vốn FDI từ những TNC hàng đầu thế giới ; *Thứ năm*, đổi mới, nâng tầm công tác xúc tiến đầu tư; *Thứ sáu*, chú trọng chất lượng đầu tư, đa dạng hoá hình thức đầu tư, đặc biệt chú trọng hướng mục tiêu vào hình thức đầu tư mới và hiệu quả như M&A và R&D.

Kết luận

1. FDI đang thể hiện một vai trò mới, trở thành bộ phận hữu cơ không thể thiếu đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển.

2. Hậu quả của khủng hoảng cùng với các nhân tố khác buộc các nước ASEAN phải có một tư duy mới về thu hút đầu tư, thực hiện một cuộc cải cách chính sách thu hút đầu tư từ thụ động sang chủ động, từ ngăn cấm, hạn chế sang cởi mở và tự do hơn.

3. Kết quả những thay đổi chính sách của các nước ASEAN 5 đã biến ASEAN 5 nói riêng và ASEAN nói chung trở thành một khu vực năng động, có môi trường đầu tư vào loại hấp dẫn nhất thế giới.

4. Mỗi quốc gia muốn phát triển không chỉ giữ ổn định chính trị cho mình mà còn phải góp phần giữ sự ổn định chính trị cho cả khu vực.

5. Một chính sách thu hút FDI *càng cởi mở và thông thoáng bao nhiêu* với một cơ sở hạ tầng tốt bao nhiêu thì độ *"miễn dịch"* với khủng hoảng, với những thay đổi bất thường của kinh tế thế giới cao bấy nhiêu.

6. Đối với Việt Nam, cần phải có một tư duy mới về thu hút FDI, cần hết sức tận dụng phát huy và coi trọng ưu thế so với các nước khác về sự ổn định về chính trị đồng thời chuẩn bị tốt mọi điều kiện để đón nhận và tận dụng tốt "làn sóng thứ 2 đầu tư vào Việt Nam" kể từ năm 1996.

7. ASEAN có trở thành trung tâm thu hút FDI mới hay không phụ thuộc vào quyết tâm của toàn khối với sự liên kết ở tầm cao hơn với một quyết tâm tạo dựng sự ổn định cho toàn khu vực. Với Việt Nam, có đón bắt được "làn sóng đầu tư thứ hai" hay không, phụ thuộc vào nỗ lực cải cách và những đột phá trong tư duy về xây dựng chính sách thu hút FDI.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đặng Đức Long (1998a), “Nguyên nhân khủng hoảng Tài chính các nước châu Á và bài học đối với Việt Nam”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 3/1998, Tr. 100 - 102.
2. Đặng Đức Long (2002a), “Triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam”, Tạp chí *Ngân hàng*, số 4/2002, Tr 14 - 16.
3. Đặng Đức Long (2002b), “Về các giải pháp để thúc đẩy hội nhập”, Tạp chí *Tài chính*, số 5/2002, Tr 49 - 50.
4. Đặng Đức Long (2006), “ FDI trong các ngành kinh tế của Việt Nam”, Tạp chí *Châu Phi và Trung Đông* số 3 (07)/2006 Tr 47 – 53.